

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua thực phẩm các loại
- Tên dự toán: Mua thực phẩm các loại phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng năm 2025 của Trung tâm Bảo trợ Trẻ em Tam Bình;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2025;
- Phạm vi công việc của gói thầu: Theo phạm vi cung cấp
- Địa điểm giao hàng: Số 273 Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 61 ngày

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

- Hàng hóa Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Đảm bảo truy xuất được nguồn gốc hàng hóa bằng điện thoại hoặc các thiết bị chuyên dụng;
- Nhà thầu phải mô tả thông số kỹ thuật đầy đủ của sản phẩm dự thầu và đính kèm đầy đủ tài liệu kỹ thuật; bản công bố chất lượng sản phẩm (nếu có) để chứng minh phù hợp với thông số kê khai;
 - Đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm;
 - Không tồn tại các chất bảo quản, hóa chất vượt ngưỡng cho phép;
 - Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người;
 - Cơ sở kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về kinh doanh về vệ sinh an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

| STT | Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|--|
| 1 | Bánh bao hấp | Trọng lượng tối thiểu: 150gam/cái 2 trứng, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 2 | Bánh canh bột gạo | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Bánh canh bột lọc | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 4 | Bánh cuốn (chả lụa, nem, giò) | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi. (Bánh cuốn hộp làm sẵn, có đầy đủ chả, giá, rau, nước mắm... ăn luôn không chế biến) |
| 5 | Bánh giò | Trọng lượng: 150gram/cái Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 6 | Bánh mì đặc ruột | Bánh mới không hư. Thành phần: Bột lúa mì, dầu thực vật, gia vị, bánh dài có màu vàng, không bị vụn nát, trọng lượng tiêu chuẩn 75gr/ô. Bánh giao phải nóng, vỏ bánh vàng đều, giòn xốp, không cháy, ruột bánh nở đều không chai. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi nilong. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, số lượng 20 ô/1 túi. |
| 7 | Bánh phở | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 8 | Bún gạo xào thập cẩm (tôm +chả+giò+giá+rau) | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi. Bún hộp làm sẵn, có đầy đủ tôm, giò, chả, giá, rau, nước mắm... ăn luôn không chế biến. |
| 9 | Bún khô gói 400g | Bún khô gói 400g. Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 10 | Bún tươi | Không chua, không có mùi thiu. Thành phần: gạo tẻ ngon, không ẩm mốc; sợi bún mềm, mịn, dai, trắng. SX: giao hàng không quá 06h kể từ khi ra lò. Đóng gói. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng từng túi. |
| 11 | Bún bò | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 12 | Chả giò xốp | Còn hạn sử dụng. Hàng mới. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500gr/gói |
| 13 | Cơm chiên dương châu | Không ẩm mốc, chế biến trong ngày (không quá 07 giờ) nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi. Cơm chiên hộp làm sẵn. |

| STT | Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 14 | Cơm tấm sườn | Không ẩm mốc, chế biến trong ngày (không quá 07 giờ) nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 15 | Đậu hủ trắng lớn | Không bị mốc, chua, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Kích thước trung bình ≥ 10 12cm x 05cm x 02cm. Thời gian sản xuất không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 16 | Gạo nếp ngon | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 17 | Hủ tiếu dốt | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 18 | Mì quảng | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 19 | Miến dong | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 20 | Nui ống | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 21 | Nui sao | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 22 | Nui xào (Thịt + trứng + chả giò) | nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi. (Nui xào hộp làm sẵn, có đầy đủ thịt, trứng, chả giò... ăn luôn không chế biến) |
| 23 | Xôi mặn (Chả lụa + chả bông + trứng cút + Lạp xưởng) | Trọng lượng: 350g/hộp. Không ẩm mốc, chế biến trong ngày (không quá 07 giờ), nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng hộp. |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 1 | Bạc hà | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VS ATTP). Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 2 | Bắp cải | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Trọng lượng từ 1kg-1,2kg/bắp. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Bắp chuối bào | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Bầu xanh | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Bí đỏ | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 3-4 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 6 | Bí ngòi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 7 | Bí xanh | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 8 | Bơ sáp | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 3-6 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 9 | Bó xôi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 10 | Bông cải trắng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2bông/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 11 | Bông cải xanh | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2bông/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 12 | Bưởi da xanh | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1trái \geq 1kg đến 3kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 13 | Cà chua lớn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 7-8 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 14 | Cà rốt | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 4-5 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 15 | Cải dún cắt gốc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 16 | Cải ngồng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 17 | Cải ngọt cắt gốc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 18 | Cải thảo | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 19 | Cải thìa | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 20 | Cải xanh cắt gốc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 21 | Cải xanh con | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 22 | Cam sành trung | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-8 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 23 | Cần nước | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 24 | Cần tàu cắt gốc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 25 | Chanh giầy lớn không hạt | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 8-12 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 26 | Cherry đỏ | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Size 11. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 27 | Chôm chôm thái | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 25 - 31trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 28 | Chuối sứ | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 29 | Củ cải trắng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 3-5 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 30 | Củ dền | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-7 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 31 | Củ nén | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 32 | Củ nghệ | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 33 | Củ sắn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-7 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 34 | Đậu bắp | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 35 | Đậu cove | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 36 | Đậu đen xanh lòng | Khô, không ẩm mốc, không nhuộm phẩm màu, Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 37 | Đậu đũa | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 38 | Đậu phộng non | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 39 | Đậu rồng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 40 | Đậu ti bo | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 41 | Đậu trắng tươi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 42 | Đâu tươi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Size 11. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 43 | Đu đủ hương | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 44 | Đu đủ vàng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 45 | Dưa gang | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1trái \geq 1,6kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 46 | Dưa hấu đỏ có hạt | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1trái \geq 2,6kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 47 | Dưa hương | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-7 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 48 | Dưa leo | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-7 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 49 | Dừa tươi lớn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 50 | Giá sống | Tươi ngon. Thời gian thu hoạch không quá 12 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 51 | Gừng tươi | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. 8-10 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 52 | Hành lá | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 53 | Hành tây | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. 5-7 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 54 | Hành tím | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 55 | Hạt sen tươi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 56 | Hẹ lá | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 57 | Khoai lang nhật | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 5-6 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 58 | Khoai mỡ | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 59 | Khoai môn củ lớn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 60 | Khoai tây | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 4-5 củ/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 61 | Kiwi vàng | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 07-11 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 62 | Lá giang tuốt lá | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 63 | Lê | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 64 | Mận | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 08-13 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 65 | Mãn cầu gai | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Từ 2kg/trái trở lên. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 66 | Mãng tươi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 67 | Mía lau | Có đủ các loại: mía cây, lá dòi tím, lá dứa, mã đề, rau bắp, bông ngò rí. Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 68 | Mồng tơi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 69 | Mướp hương | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 2-4 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 70 | Nấm bào ngư | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 71 | Nấm rơm | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 72 | Ngò gai | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 73 | Ngò rí | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 74 | Nhãn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 75 | Nhãn xuồng trái to | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 35-41 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 76 | Nho mỹ đen | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 77 | Ổi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 7-11 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 78 | Ớt hiểm | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 79 | Quýt đường | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 7-11 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 80 | Rau diếp cá | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 81 | Rau dền cắt gốc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 82 | Rau húng cây | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 83 | Rau húng lủi | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 84 | Rau kinh giới | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 85 | Rau lang | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 86 | Rau má | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 87 | Rau muống bào | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 88 | Rau muống làm sẵn | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 89 | Rau ngót | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 90 | Rau om | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 91 | Rau quế | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 92 | Rau răm | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 93 | Sả cây | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 94 | Sà lách xoong | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 95 | Sà xay, bằm | Đóng gói trong túi xộp. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi, đảm bảo VSATTP. Thời điểm thu hoạch không quá 25 giờ cho đến khi giao hàng. |
| 96 | Sapoche | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 7-11 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 97 | Sơ ri | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 98 | Su hào | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 3-5 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 99 | Su su | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 4-6 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 100 | Tắc trái | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 101 | Tần ô cắt góc | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 102 | Táo | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 05-09 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 103 | Táo VN | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 20-31 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|--|
| 104 | Thơm gọt vỏ và mắt | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 1-2 trái/kg. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 105 | Tía tô | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 106 | Vú sữa | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 05-09 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 107 | Xoài cát | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 02-05trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 108 | Xoài thái | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. 02-05 trái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 109 | Cải dưa (không nước) | Lên men tự nhiên, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 110 | Đậu xanh cà không vỏ | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 111 | Dưa mắm | Không ẩm mốc, không chất bảo quản quá qui định, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 112 | Măng chua | Lên men tự nhiên, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 113 | Măng khô ngon | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP.. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 114 | Me vắt | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 115 | Nấm mèo đen | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---|---|
| 116 | Ốt khô | Khô ráo, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP . Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 117 | Salad | Tươi ngon, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Thời gian thu hoạch không quá 25 giờ tính đến thời điểm giao hàng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 118 | Sương sâm | Màu xanh lá sẫm đặc trưng, thơm, không nhót, ôi thiu. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi, nguồn gốc rõ ràng. |
| 119 | Sương sáo | Màu đen đặc trưng, thơm, không nhót, ôi thiu. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi, nguồn gốc rõ ràng. |
| 120 | Táo tàu | Táo khô tự nhiên, trái to, màu đỏ đô, có vị ngọt tự nhiên, không mối mọt, ẩm mốc. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi, nguồn gốc rõ ràng |
| 121 | Bo bo | Hạt màu trắng đục. Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 122 | Mẻ | Lên men tự nhiên, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 123 | Nấm tuyết khô | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ồng. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|-----------------------------------|---|
| 1 | Chao khoai môn đại | 500gr/hũ, nguyên hũ, không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ |
| 2 | Mắm linh | Không hư, không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Nước cốt dừa | Được vắt từ trái dừa khô, nước cốt nguyên chất không pha nước lọc, chế biến trong ngày (không quá 07 giờ) nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--------------------------------------|--|
| 4 | Nước màu dừa chai | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. chai 150g - 170g. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Ốt sa tế hủ | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Trọng lượng: 80gr/hủ. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 6 | Bột nghệ | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 7 | Dầu mè | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Chai 251 ml. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 8 | Đường phèn | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 9 | Gia vị ngũ vị hương | Trọng lượng 3,5gr. Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất từ những nguyên liệu thiên nhiên: Đại hồi, gừng, đinh hương, ngọc quế, tiêu hồi, hoa tiêu,... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 10 | Gia vị bò kho | Trọng lượng 75gr. Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: đường, muối, dextrose monohydrate, mỡ bò, maltose syrup, sả, xơ protein đậu nành, hạt điều màu, bột cà ri, hành, chiết xuất nấm men, tỏi, đại hồi, chất xơ từ lúa mì, quế, rau thơm, lá cà ri, ... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 11 | Gia vị bún bò | Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: Sả, Hạt Điều Màu, Ốt Chỉ Thiên, Hoa Hồi, Ốt Bột, Hành, Tiêu ... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |

| STT | Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--------------------------------------|--|
| 12 | Gia vị bún riêu | Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: 100% nguyên liệu thiên nhiên đại hồi, tiêu hồi, thảo quả, đinh hương, quế cây, hạt tiêu, ớt khô, hạt điều màu, ngọc khấu, gừng, sả, riềng. Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 13 | Gia vị hủ tiếu | Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: Chiết xuất rau củ quả tươi (hành tây, cà chua, hành lá, tỏi) 36.5%, đường, muối i-ốt, nước hầm xương heo 8.5%, nước mắm, chất điều vị (621, 631, 627, 951), tiêu, khô mực, chất ổn định (415), chất điều chỉnh độ acid (330), chất chống oxy hóa (307b),.... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 14 | Gia vị phở | Trọng lượng 25 g. Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: Quế cây, hoa hồi, thảo quả, tiêu hồi, hạt ngò, đinh hương, hành, gừng, tiêu Jamaica.... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 15 | Gia vị phở (quế, hồi, thảo quả..) | Trọng lượng 35 g. Sản phẩm không chứa màu tổng hợp độc hại. Được sản xuất với thành phần: Đại hồi, tiêu hồi, hạt đinh hương, thảo quả, hạt ngò, cam thảo, quế nguyên liệu đạt yêu cầu dùng trong thực phẩm. Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 16 | Hạt điều màu | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 17 | Mắm ruốc | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 18 | Mắm tôm | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Chai \geq 231 ml. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 19 | Tiêu xay | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 4 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|-----------------------------------|--|
| 20 | Tỏi củ | Khô ráo, không ẩm mốc, không dập nát, thối bên trong, nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 21 | Tương cà 2,1L | Trọng lượng 2,1L/bình. Thành phần: 70% cà chua củ hành, đường, muối ăn, dấm, nước,... sản phẩm được thanh trùng chân không. Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng bình. |
| 22 | Tương đen 230 ml | Trọng lượng: 230g/chai. Thành phần: Đậu nành, đường, nước, muối ăn, dấm,... Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng chai. |
| 23 | Tương ớt 2,1L | Trọng lượng 2,1L. Thành phần: nước, ớt (25%), đường, cà chua, tỏi, muối ăn, dấm, chất ổn định Acetylated Distarch Adipad (1422), chất điều vị Mononatri glutamat (621), phẩm màu tổng hợp Sunset Yellow FCF (110), chất bảo quản Natri benzoat (211) hoặc Kali sorbat (202)... sản phẩm được thanh trùng chân không. Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 6 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng bình. |
| 24 | Bột chiên giòn Tài ký | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 25 | Bột năng Tài ký | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 26 | Dầu gấc Tường An 250ml | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 27 | Giấm ăn Đầu bếp 500ml | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 28 | Sốt Mayonnaise 130gram | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Sữa, bột, nước ngọt, đá các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---------------------------------------|--|
| 1 | Nước ngọt | Dung tích 330ml. Thành phần: nước bão hòa CO ₂ , đường mía, chất điều chỉnh độ acid, hỗn hợp hương dâu tự nhiên và tổng hợp, vitamin B3, B6, B12, nhân sâm ... Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có thương hiệu (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 2 | Nước trái cây | Dung tích 110ml, thành phần: 1,2g chất xơ hoà tan, Vitamin A, Can xi và Vitamin D3, B6, B12 ... Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có thương hiệu (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói. |
| 3 | Sữa bột dưới 1 tuổi lon 780g | Trọng lượng: 780g. Thành phần: Bột sữa (đạm Whey khử khoáng, XHO glucose, sữa bột tách béo, hỗn hợp dầu thực vật (dầu bắp, dầu hạt cải dầu, dầu dừa, dầu hướng dương) đạm Whey đậm đặc, medium chain, triglycerides (MCT), khoáng chất (trical phosphat, natri citrat, magnesi chlorid, Kali hydroxyd, caki carbonat, Sắt Sulphat, kẽm sutrat, kali iodat, đồng sulfat, natri selenit, mangan sulfat), vitamin, (natri ascorbat, DL-alpha-tocopherd acetat, niacinamid, retiryl acetat, cholecalciferd, caki D-pantothenat, Dbiotin, phytonadion. riboflavin, pyridoxin hydrochlorid, thiamin hydrochorid, acid folic, ganocobalamin), cholin chlorid, lactose, inositol, Lcamitin tartrat) acid arachidonic (ARA) từ dầu M.alpina, acid docosaheraenoic (DHA) từ dầu cá, nudeotides có chứa sữa. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 12 tháng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng lon, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo. |
| 4 | Sữa bột | Trọng lượng: 900g. Thành phần: Bột sữa (sữa bột, chất béo sữa), maltodextrin, dưỡng tinh luyện, lactoza, dầu thực vật, đạm Whey, chất sơ hòa tan (inulin, oligofructose) các khoáng chất (Kali citrat, tricalci phosphat, magnesi oxyd, sắt sulfat, sắt pyrophosphat, natri citrat, kẽm sulfat, đồng sulfat, mangan sulfat, kali iodid, natri selenit) chất nhũ hòa (lecithin), cholin, các vitamin (natri ascorbat, PP, E, Calci D pantothenat, B1, A, B6, B2, acid folic, K1, D3, biotin, B12), taurin, Bifidobacterium, BB-12TN, hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm, ARA, DHA từ dầu cá, lutein. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 12 tháng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng lon, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo. |

| STT | Nhóm Sữa, bột, nước ngọt, đá các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---------------------------------------|--|
| 5 | Sữa bột | <p>Trọng lượng: 900g. Thành phần: bột sữa (sữa bột, chất béo), maltodextrin, lactoza, dưỡng tinh luyện, đạm Whey, dầu thực vật, chất xơ hòa tan (inulin, oligofructose), chất nhũ hóa (lecithin), các khoáng chất (kali citrat, tricalci phosphat, magnesi oxyd, sắt sulfat, sắt pyrophosphat, natri citrat, kẽm sulfat, đồng sulfat, mangan sulfat, kali iodid, natri selenit), cholin, các Vitamin (natri ascorbat, PP, E, Calci D pantothenat, B1, A, B6, B2, acid folic, k1, D3, biotin, B12) lysin, taurin, Bifidobacterium, BB-12TN, hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, DHA từ dầu cá, ARA, lutein. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 12 tháng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng lon, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo.</p> |
| 6 | Bột 200G | <p>Trọng lượng: 200g/hộp. Thành phần: Bột gạo (37,5%), sữa bột (35,9%), xirô glucoza, dầu thực vật, đường tinh luyện, maltodextrin, chất xơ hòa tan inulin, đạm Whey, các khoáng chất (calci carbonat, sắt pyrophosphat, kẽm sulfat, kali iodid), lysin, các vitamin (natri ascorbat, PP, E, calci D-pantothenat, B1, B6, A, acid folic, K1, biotin, D3), taurin, DHA từ dầu cá, bifidobacterium, BB-12TN, hương vani tổng hợp dùng cho thực phẩm, lutein. Có thể chứa đậu nành, có chứa sữa, dầu cá. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 12 tháng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng hộp, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo.</p> |
| 7 | Sữa chua | <p>Trọng lượng: 100g/hộp. Thành phần: Sữa (87,4%), (nước, sữa bột, Whey bột, chất béo sữa, sữa tươi chuẩn hóa), đường (10%), dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), men Streptococcus thermophilus và lactobacillus bulgaricus, vitamin (D3,A). Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 15 ngày. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng hộp, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo.</p> |
| 8 | Sữa bột 380gam | <p>Trọng lượng 380gr/lon. Thành phần gồm: Glucose Syrup, Hỗn hợp dầu (Dầu hướng dương giàu oleic, Dầu hạt cải có hàm lượng acid Erucic thấp, Dầu CÁ giàu DHA (FISH oil high DHA), Dầu nành giàu ARA), ĐẠM WHEY từ SỮA 6.5% (WHEY PROTEIN MILK), Kali Caseinate, Các khoáng chất (Sắt Sulphat, Kẽm Sulphat, Đồng Sulphat, Calci Citrat, Mangan Sulphat, Kali Iodid, Natri Selenit, Kali Clorid, Natri Phosphat Dibasic, Choline Bitartrate, Magnesi oxyd, Kali Citrat), Chất nhũ hóa Lecithin ĐẬU NÀNH (SOYA lecithin), Các vitamin (A, D3, E, K1, C, B1, B2, Nicotinamide, B6, Acid Folic, B5, B12, Biotin), Inositol, Taurine, Chất điều chỉnh độ acid Kali hydroxyd, Lợi khuẩn Limosilactobacillus reuteri (L. Reuteri), Nucleotide, Amino acid L-Histidine, L-Carnitine, Chất điều chỉnh độ acid Citric.</p> |

| STT | Nhóm Sữa, bột, nước ngọt, đá các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---------------------------------------|---|
| 9 | Sữa bột 400gam | Trọng lượng: 400gr/lon. Thành phần gồm: L-Carnitine, Taurine, Magnesium, Potassium, Calcium, Acid folic, Vitamin tổng hợp, Protein, Carbohydrate, Muối, Vitamin A, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin K, Vitamin E, Vitamin C, Choline, Biotin, Niacin, Zinc, Iron, Pantothenic acid, Copper, Selenium, Chromium, Molybdenum, Vitamin D, Iodine, Phospho, Mangan, Sodium, Chloride. |
| 10 | Vani | Không ẩm mốc, còn hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Gói 5 ống. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 11 | Váng sữa | Trọng lượng: 780g. Thành phần: Bột sữa (đạm Whey khử khoáng, XHO glucose, sữa bột tách béo, hỗn hợp dầu thực vật (dầu bắp, dầu hạt cải dầu, dầu dừa, dầu hướng dương) đạm Whey đậm đặc, medium chain, triglycerides (MCT), khoáng chất (trical phosphat, natri citrat, magnesi chlorid, Kali hydroxyd, caki carbonat, Sắt Sulphat, kẽm sutrat, kali iodat, đồng sulfat, natri selenit, mangan sulfat), vitamin, (natri ascorbat, DL-alpha-tocopherd acetat, niacinamid, retiryl acetat, cholecalciferd, caki D-pantothenat, Dbiotin, phytonadion. riboflavin, pyridoxin hydrochlorid, thiamin hydrochorid, acid folic, ganocobalamin), cholin chlorid, lactose, inositol, Lcamitin tartrat) acid arachidonic (ARA) từ dầu M.alpina, acid docosaheraenoic (DHA) từ dầu cá, nudeotides có chứa sữa. Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 12 tháng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng lon, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo. |
| 12 | Probi | Trọng lượng: 100g/hộp. Thành phần: Sữa (87,4%), (nước, sữa bột, Whey bột, chất béo sữa, sữa tươi chuẩn hóa), đường (10%), dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định (1422, 471), men Streptococcus thermophilus và lactobacillus bulgaricus, vitamin (D3,A). Chính hãng, còn hạn sử dụng trên 15 ngày. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có dán tem nhãn ghi rõ thời hạn sử dụng, khối lượng từng hộp, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, không bị móp méo. |
| 13 | Đá bi | Viên đá bán kính 2cm, màu trắng trong tự nhiên. Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP |

| STT | Nhóm Bánh ngọt, rau câu, chè, mứt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 1 | Bánh Flan | Trọng lượng 55g/hũ. Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Bánh ngọt, rau câu, chè, mứt các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 2 | Bánh Panda Cotta | Hương vị thơm ngon từ các loại dâu, xoài, việt quất, cam, chanh dây. Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng hũ |
| 3 | Chè bưởi | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Chè thái | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Kem hũ | Nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 6 | Rau câu ly | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 7 | Trà sữa (thạch, trân châu, bánh flan) | Dung tích: 500ml. Thành phần: trà đen, sữa đặc có đường, sữa tươi không đường, đường, trân châu, thạch rau câu, thạch thủy tinh, đá viên, nước lọc ... Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng ly |

| STT | Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|--|
| 1 | Cá ba sa file | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. 2-4 miếng/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 2 | Cá bặc má làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. 7-9 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Cá bông lau làm sạch không đầu | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Từ 2kg/con trở lên. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Cá bớp file | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Cá bớp làm sạch không đầu | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Từ 5kg/con trở lên. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|--|
| 6 | Cá cam | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Từ 0,8kg/con trở lên. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 7 | Cá chẻm file | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 8 | Cá cò | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 9 | Cá diêu hồng file | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 10 | Cá diêu hồng làm sẵn | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. (0,8-2kg/con). Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 11 | Cá hồi file | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 12 | Cá hú làm sạch ko đầu | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 13 | Cá hường làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. 7-9 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 14 | Cá lóc bông file | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 15 | Cá lóc đen làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. |
| 16 | Cá mó làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. 08-11 con/kg Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 17 | Cá ngán làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. 07-09 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 18 | Cá nưì làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. 01-03 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 19 | Cá nục làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. 07-09 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 20 | Cá nục sa pa làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, đảm bảo VS ATTP. 01-03 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 21 | Cá thác lác nạo y | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 22 | Cá thu khúc đặc | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 23 | Cua đồng xay | Tươi sống, Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. |
| 24 | Ếch đùi lớn | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. 06-09 cái/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 25 | Lươn vàng làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. 4 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 26 | Mực lá làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP, 8-11 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 27 | Mực ống làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP, 8-11 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 28 | Thịt cua | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 29 | Tôm đất lớn làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP, 30-36 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 30 | Tôm khô size vừa | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 31 | Cá viên chiên | Cá viên chiên loại ngon gói 500g. Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 32 | Chả cua | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 33 | Tôm đất làm sạch | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP, 55-61 con/kg. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 1 | Gan heo | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 2 | Giò heo khoanh | Thịt Tươi, hàng nóng, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Óc heo | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Sườn cốt - lết có xương | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 5 | Sườn non | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 6 | Thịt ba rọi heo | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 7 | Thịt ba rọi heo quay | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |

| STT | Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 8 | Thịt đùi gò | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 9 | Thịt nạc dăm | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 10 | Thịt nạc thăn | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 11 | Thịt nai | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 12 | Xương đuôi heo | Thịt Tươi, hàng nóng, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 13 | Xương ống heo có thịt | Tươi sống, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 14 | Chả lụa | Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng. Mới hấp nóng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng |
| 15 | Lạp xưởng | Khô, có giấy ATSVTP, không ẩm mốc. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng |

| STT | Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|--|---|
| 16 | Mọc sống | Màu hồng nhạt tự nhiên, dẻo, thơm mùi thịt, không hóa chất độc hại, đảm bảo ATTP |
| 17 | Nem nướng | Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Thịt bò, các sản phẩm từ thịt bò | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---------------------------------------|---|
| 1 | Thịt bò đùi | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 2 | Thịt bò xào tái mềm cắt sẵn | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. |
| 3 | Xương ống bò | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Bò viên | Đông lạnh, có giấy ATSVTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng |
| 5 | Chả bò | Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng. Mới hấp nóng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng |

| STT | Nhóm Thịt gà, vịt chưa qua chế biến | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|-------------------------------------|--|
| 1 | Đùi gà 1/4 | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng hộp. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng |
| 2 | Đùi tỏi gà | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng hộp. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng |
| 3 | Ức gà nạc | Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng hộp. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng |
| 4 | Vịt bông | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Vịt file | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 6 | Xương gà | Tươi, không bị hôi, không bị đông lạnh, đảm bảo VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Thịt gà, vịt đã qua chế biến | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|-----------------------------------|---|
| 1 | Gà nướng | Trọng lượng: 1,5-1,7 kg/con Vàng nâu tự nhiên, thơm ngon, không lẫn tạp chất, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 2 | Vịt quay | Vàng nâu tự nhiên, thơm ngon, không lẫn tạp chất, Không ẩm mốc, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, VSATTP. (khoảng 2,6 kg/con). Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

| STT | Nhóm Trứng các loại | Yêu cầu về kỹ thuật |
|-----|---------------------|---|
| 1 | Trứng cút | Trứng còn hạn sử dụng, không bị hư, vỡ, VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 2 | Trứng gà | Trứng còn hạn sử dụng, không bị hư, vỡ, VS ATTP. 60-66gam/quả. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 3 | Trứng vịt | Trứng còn hạn sử dụng, không bị hư, vỡ, VS ATTP. 60-66gam/quả. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 4 | Trứng vịt lộn | Trứng còn hạn sử dụng, không bị hư, vỡ, VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |
| 5 | Trứng muối | Trứng còn hạn sử dụng, không bị hư, vỡ, VS ATTP. Có dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời gian đóng gói, khối lượng từng túi |

3. Yêu cầu về thời gian và khối lượng dự kiến

- Địa điểm giao hàng: Số 273 Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Thời gian giao hàng:
 - + Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian 61 ngày theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư trong mỗi đợt;
 - + Thời gian cung ứng hàng hóa chậm nhất là 05 giờ 00 phút hàng ngày (riêng ngày lễ, thời gian giao hàng trước 04 giờ 45 phút) sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư (bằng fax hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp). Nếu nhà thầu không cung ứng đủ hàng và đúng thời gian như quy định thì sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết với bên mua;
 - + Trường hợp đột xuất đặt hàng giao trong vòng 02 giờ theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - + Trước khi giao hàng bên Chủ đầu tư sẽ thông báo khối lượng, chủng loại cụ thể của mỗi địa điểm để giao hàng theo thực tế nhu cầu;
 - + Trong quá trình giao hàng nếu không đảm bảo chất lượng thì đổi trả trong vòng 02 giờ. Nhà thầu phải xây dựng được cái phương án đổi trả trong vòng 02 giờ, đảm bảo về chất lượng Theo yêu cầu kỹ thuật.

4. Các yêu cầu khác

- Chứng từ: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, chứng nhận chất lượng sản phẩm khi chủ đầu tư yêu cầu;
- Nhà thầu cam kết khắc phục, đổi hàng mới khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà thầu;
- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng;
- Nhà thầu cam kết xử lý, bồi thường thiệt hại và chịu toàn bộ chi phí để khắc phục hậu quả ngộ độc thực phẩm (nếu có) xảy ra nếu nguyên nhân là do lỗi của nhà thầu

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành;
- Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT sẽ không được nghiệm thu.